

Bản án số: **38/2024/HS-ST**
Ngày: 05-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Văn Sỹ** – Ông **Vũ Ngọc Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Ngô Khánh Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Trịnh Thị Thu H - Sinh ngày 15/02/1993 tại TP Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ C, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng; Trú tại: Tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Kim C (sinh năm 1963) và bà Trần Thị N (sinh năm 1963); Chồng: Lê Văn A (sinh năm 1989) và 03 con (lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2019).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 01/3/2024, bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự theo Bản án số 33/2024/HS-ST;

Bị cáo hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà **Nguyễn Thị Kim L** - sinh năm 1968; trú tại: Số A, tổ E, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông **Nguyễn Anh T** – sinh năm 2001; trú tại: Tổ E, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông **Trịnh Kim C** – sinh năm 1963; trú tại: Tổ C, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa Trịnh Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Kim L (Sinh năm 1968, trú tại số A, tổ E, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) có mối quan hệ quen biết. Trong khoảng thời gian quen biết đến tháng 01/2023, H có nợ tiền mua hàng hóa từ bà L số tiền 67.500.000 đồng. Đến tháng 4/2023, H muốn mượn thêm tiền từ bà L, nhưng vì chưa trả hết số nợ cũ nên bà L không đồng ý cho H mượn. Do cần tiền tiêu xài và trả nợ, để tạo sự tin tưởng cho bà L, H đã nảy sinh ý định và làm giả 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 428947 tại vị trí: thửa đất số 75, tờ bản đồ số 2, địa chỉ H81/5 K H, phường B, thành phố Đà Nẵng do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 18/12/2022. Trịnh Thị Thu H khai H tìm kiếm đối tượng làm giả trên internet, sau đó liên hệ làm giấy chứng nhận giả qua ứng dụng zalo, nhận qua hình thức giao hàng và thanh toán tiền (ship cod) là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Sau đó, ngày 11/4/2023, H đem Giấy chứng nhận giả này đến gặp và đưa cho bà L tại nhà của bà L, H nói dối đây là lô đất của H đang rao bán, rồi đề nghị bà L cho H mượn tiền. H hứa hẹn sau khi bán được lô đất thì sẽ trả lại đầy đủ cả nợ cũ và mới cho bà L. Vì nghĩ Giấy chứng nhận này là thật nên bà L đã tin tưởng, đồng ý và có 05 (năm) lần đưa tiền cho H với tổng số tiền là 130.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 11/4/2023, sau khi đưa cho bà L Giấy chứng nhận giả trên, H đã đề nghị bà L cho H mượn số tiền 35.000.000 đồng để chữa bệnh cho con. Bà L tin tưởng và giao cho H số tiền trên ở nhà của bà L tại địa chỉ tổ E, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. H viết cho bà L 01 (một) Giấy mượn tiền.

- Lần 2: Cũng trong ngày 11/4/2023, trên cơ sở đề nghị của H, bà L tiếp tục nhờ con trai bà L là anh Nguyễn Anh T (Sinh năm 2001, cùng trú tại địa chỉ trên) chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng số 103872945779 mở tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đứng tên Trịnh Thị Thu H số tiền 15.000.000 đồng.

- Lần 3: Đến ngày 13/4/2023, H tiếp tục nhắn tin mượn bà L số tiền 20.000.000 đồng. Bà L đồng ý và đã đưa cho H số tiền này tại nhà của bà L.

- Lần 4: Ngày 16/5/2023, H đề nghị bà L cho mượn số tiền 30.000.000 đồng. Bà L đồng ý và đã đưa cho H số tiền này tại nhà của bà L. Trong lần này, H viết cho bà L 01 (một) giấy mượn tiền.

- Lần 5: Ngày 01/6/2023, H tiếp tục nhắn tin mượn bà L số tiền 30.000.000 đồng. Bà L đồng ý và đã đưa cho H số tiền này tại nhà của bà L.

Đến tháng 8/2023, sau nhiều lần đòi lại tiền nhưng không được và nghi ngờ nên bà L đã đem Giấy chứng nhận giả mà H đưa đến Văn phòng Công chứng N (Địa chỉ tại số A T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) để kiểm tra thì phát hiện là giả nên đến cơ quan công an trình báo.

Ngày 13/10/2023, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng xác định: Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 02 là không có trong bản đồ hành chính của phường B. Địa chỉ K, phường B, quận H là có trong bản đồ địa chính phường B, quận H với thông tin lô đất là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17, phường B, quận H. Thửa đất này do Trần Thanh T1 quản lý, sử dụng.

Ngày 20/10/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đ ban hành Kết luận giám định số 900/KL-KTHS xác định: Chữ ký mang tên Nguyễn Quang V trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký Nguyễn Quang V trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M6 không phải do cùng một người ký ra. Hình dấu tròn có nội dung vòng trong “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên mẫu cần giám định ký hiệu A không phải do con dấu có hình dấu mẫu cùng nội dung trên các tài liệu ký hiệu M1 đến M6 đóng ra.

Ngày 29/12/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đ ban hành Kết luận giám định số 37/KL-KTHS xác định: Chữ viết và chữ ký mang tên Trịnh Thị Thu H trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Trịnh Thị Thu H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết và ký ra.

Tang vật tạm giữ: Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 428947 tại vị trí: thửa đất số 75, tờ bản đồ số 2, địa chỉ H81/5 K, phường B, thành phố Đà Nẵng do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 18/12/2022.

- 03 (ba) tờ giấy mượn tiền viết tay; 02 tờ giấy ảnh chụp nội dung tin nhắn giữa H và bà L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo Trịnh Thị Thu H, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Thị Thu H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Thị Thu H từ 03 năm đến 04 năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trịnh Thị Thu H phải chấp hành hình phạt chung của của hai tội.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trịnh Thị Thu H bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 428947 tại vị trí: thửa đất số 75, tờ bản đồ số 2, địa chỉ H81/5 K H, phường B, thành phố Đ do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 18/12/2022;

- Lưu trữ tại hồ sơ vụ án 03 (ba) tờ giấy mượn tiền viết tay; 02 tờ giấy ảnh chụp nội dung tin nhắn giữa H và bà L.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trịnh Thị Thu H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mong muốn HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi và quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Trịnh Thị Thu H và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Trịnh Thị Thu H trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Do cần tiền tiêu xài và trả nợ, Trịnh Thị Thu H làm giả 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 428947 tại vị trí: thửa đất số 75, tờ bản đồ số 2, địa chỉ H81/5 K H, phường B, thành phố Đà Nẵng đứng tên Trịnh Thị Thu H. Sau đó, H đem Giấy chứng nhận giả này đến gặp và nói dối đây là lô đất của H khiến bà Nguyễn Thị Kim L tin tưởng, đồng ý cầm cố và 05 (năm) lần giao tiền cho H vay. Tổng số tiền mà Trịnh Thị Thu H chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Kim L là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Trịnh Thị Thu H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng số 22/CT-VKSLC, ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đối với việc tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKSLC, ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Trịnh Thị Thu H về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự, HĐXX xét thấy: Căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự về giới hạn xét xử của Tòa án, tại quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đưa ra xét xử bị cáo Trịnh Thị Thu H về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Xét thấy, mặc dù Trịnh Thị Thu H khai sử dụng ứng dụng zalo để liên lạc, đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận qua hình thức ship cod nhưng ngoài lời khai duy nhất của H thì không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Quá trình điều tra cũng không xác định được đối tượng làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên H phải chịu trách nhiệm về hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với hành vi sử dụng giấy tờ giả của bị cáo là thủ đoạn gian dối, là yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Trịnh thị Thu H phạm vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm nghiêm

trọng” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính và xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, là một trong các quyền quan trọng được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức là trái pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện để phục vụ cho nhu cầu riêng của bản thân; đồng thời chỉ vì muốn thụ hưởng vật chất nhanh chóng, lười nhác lao động nên đã sử dụng giấy tờ giả, đưa thông tin gian dối để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên cần phải xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Trịnh Thị Thu H Bị có 05 (năm) lần chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị Kim L, mỗi lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

HĐXX xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trịnh Thị Thu H đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét mức hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị là phù hợp với nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Thị Kim L yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). HĐXX xét thấy, bị cáo Trịnh Thị Thu H 05 lần chiếm đoạt tổng cộng số tiền 130.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Kim L nhưng đến nay vẫn chưa bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên cần phải buộc bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 428947 tại vị trí: thửa đất số 75, tờ bản đồ số 2, địa chỉ H81/5 K H, phường B, thành phố Đ do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 18/12/2022; 03 (ba) tờ giấy mượn tiền viết tay; 02 tờ giấy ảnh chụp nội dung tin nhắn giữa H và bà L là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, do đó HĐXX xét thấy cần tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

[7] Đối với đối tượng mà Trịnh Thị Thu H khai đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, đến nay Cơ quan

điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau là có cơ sở.

[8] Án phí sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Trịnh Thị Thu H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trịnh Thị Thu H phải chịu $130.000.000 \text{ đ} \times 5\% = 6.500.000 \text{ đ}$ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trịnh Thị Thu H 02 (Hai) năm** tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trịnh Thị Thu H 03 (Ba) năm** tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Trịnh Thị Thu H phải chấp hành là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự, tuyên:

Buộc bị cáo Trịnh Thị Thu H bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên lưu trữ tại hồ sơ vụ án:

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 428947 tại vị trí: thửa đất số 75, tờ bản đồ số 2, địa chỉ H81/5 K, phường B, thành phố Đ do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 18/12/2022.

- 03 (ba) tờ giấy mượn tiền viết tay; 02 tờ giấy ảnh chụp nội dung tin nhắn giữa Trịnh Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Kim L.

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì:

- Bị cáo Trịnh Thị Thu H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trịnh Thị Thu H chịu 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Công an Quận Liên Chiểu;
- Nhà tạm giữ Công an Quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Quận Liên Chiểu;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh